

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

S.Đ.Ư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi
Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty tại ngày 31/12/2013 gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Phong	Phó Chủ tịch
Ông Vũ Tuấn Hưng	Thành viên
Ông Võ Hữu Tuấn	Thành viên
Ông You Shensen	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phạm Ngọc An	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24/01/2014)
Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24/01/2014)
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

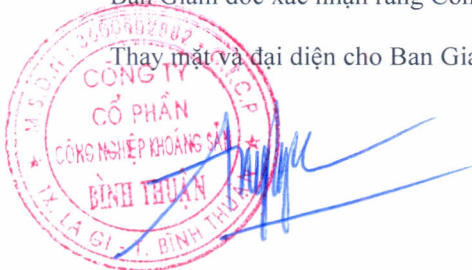
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Phạm Ngọc An
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2014

Số: 26 /2014/AEA-TC-NV4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày từ trang 04 đến trang 24 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Hữu Đông

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số 0140-2013-43-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐÔNG Á

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2014

A blue signature of Vũ Đức Thắng.

Vũ Đức Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số 0307-2013-43-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		76.083.066.441	47.682.867.471
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	30.581.648.924	6.593.085.676
1. Tiền	111		30.581.648.924	6.593.085.676
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	2.125.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.125.000.000	-
III. Phải thu ngắn hạn	130		8.135.393.857	34.853.142.104
1. Phải thu khách hàng	131		2.145.752.358	22.617.228.850
2. Trả trước cho người bán	132		5.984.597.472	11.230.913.254
5. Các khoản phải thu khác	135		5.044.027	1.005.000.000
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	28.387.471.923	5.176.511.559
1. Hàng tồn kho	141		28.387.471.923	5.176.511.559
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.853.551.737	1.060.128.132
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.012.581.663	14.769.374
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.510.312.360	287.023.344
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	1.330.657.714	758.335.414
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		355.198.356.025	217.759.903.702
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		26.055.611.824	64.071.380.699
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	6.816.213.041	39.427.458.516
- Nguyên giá	222		9.752.128.231	41.002.376.747
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.935.915.190)	(1.574.918.231)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	19.239.398.783	24.643.922.183
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		329.010.744.201	153.431.781.050
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.7	237.240.098.447	143.374.718.180
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.8	91.770.645.754	57.062.870
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	V.9	-	10.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		132.000.000	256.741.953
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	-	124.741.953
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		132.000.000	132.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		431.281.422.466	265.442.771.173

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		35.791.571.180	56.056.139.789
I. Nợ ngắn hạn	310		35.362.779.513	56.056.139.789
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	12.125.444.092	38.684.100.133
2. Phải trả người bán	312		2.114.129.990	3.979.988.895
3. Người mua trả tiền trước	313		46.052.339	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	19.423.825.136	12.275.486.404
5. Phải trả công nhân viên	315		878.030.640	141.221.915
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	714.737.664	709.479.164
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		60.559.652	265.863.278
II. Nợ dài hạn	330		428.791.667	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	428.791.667	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		395.489.851.286	209.386.631.384
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	V.15	395.489.851.286	209.386.631.384
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		339.736.268.000	154.425.590.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		849.189.834	849.189.834
8. Quỹ Dự phòng tài chính	418		283.063.278	283.063.278
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		54.621.330.174	53.828.788.272
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		431.281.422.466	265.442.771.173



Phạm Ngọc An
Tổng Giám đốc
Ngày 04 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Quang Minh
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thảo
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	26.663.003.457	33.296.464.043
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.1	5.409.835	8.573.460.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	26.657.593.622	24.723.004.043
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	11.119.412.798	11.837.065.287
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		15.538.180.824	12.885.938.756
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20.393.577.307	1.151.552.350
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.796.671.092	2.893.632.942
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.796.671.092	2.893.632.942
8. Chi phí bán hàng	24		1.778.888.130	1.550.180.504
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.295.933.050	4.654.254.693
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		24.060.265.859	4.939.422.967
11. Thu nhập khác	31	VI.5	272.815.464	7.240.237.962
12. Chi phí khác	32	VI.5	354.232.367	5.335.103.563
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	VI.5	(81.416.903)	1.905.134.399
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.978.848.956	6.844.557.366
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	6.099.804.524	1.711.139.340
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		17.879.044.432	5.133.418.026
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	304	332



Phạm Ngọc An
Tổng Giám đốc
Ngày 04 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Quang Minh
Kê toán trưởng

Lê Thị Thanh Thảo
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	23.978.848.956	6.844.557.366
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	1.613.271.123	924.603.691
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(20.393.577.307)	(844.255.939)
- Chi phí lãi vay	6	3.796.671.092	2.893.632.942
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	8.995.213.864	9.818.538.060
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	26.717.748.247	6.542.068.887
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(23.210.960.364)	1.149.446.841
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(25.520.307.086)	5.317.714.774
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	10.661.557	923.375.276
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.796.671.092)	(2.893.632.942)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.117.123.605)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(872.194.824)	(614.968.791)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(18.793.633.303)	20.242.542.105
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(905.598.695)	(8.566.235.794)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	272.815.464	7.240.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.125.000.000)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(243.217.814.577)	(8.897.741.318)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	135.003.175.611	1.708.968.870
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.365.122	1.151.552.350
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(100.956.057.075)	(17.363.455.892)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	185.310.678.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	54.093.936.091	11.824.068.749
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(80.223.800.465)	(10.112.481.781)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.442.560.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	143.738.253.626	1.711.586.968
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	23.988.563.248	4.590.673.181
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.593.085.676	2.002.412.495
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	30.581.648.924	6.593.085.676

Phạm Ngọc An
 Tổng Giám đốc
 Ngày 04 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Quang Minh
 Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thảo
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi
Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng Bảo Thụ, là Doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ nhất số 4702002159 ngày 18 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp. Vốn Điều lệ của Công ty là 5.760.000.000 đồng. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 11 năm 2008 tăng vốn Điều lệ lên 9.600.000.000 đồng.

Từ ngày 18 tháng 4 năm 2006 đến ngày 04 tháng 11 năm 2009 là Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Bảo Thụ. Từ ngày 05 tháng 11 năm 2009 đến nay là Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico.

Ngày 05 tháng 11 năm 2009, Công ty chuyển thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Thuận Hamico theo giấy Đăng ký kinh doanh số 3600802882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp với vốn Điều lệ là 56.880.000.000 đồng.

Chuyển đổi Đăng ký kinh doanh số 3600802882, ngày 22 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận tăng vốn Điều lệ lên 86.668.000.000 đồng. Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 2 ngày 22 tháng 5 năm 2010 tăng vốn Điều lệ lên 128.688.000.000 đồng. Niêm yết bổ sung vốn trên HOSE ngày 21/09/2011, tăng vốn điều lệ lên thành 154.425.590.000 đồng. Niêm yết bổ sung vốn trên HOSE vào ngày 26 tháng 11 năm 2013, tăng vốn điều lệ lên thành 339.736.268.000 đồng.

Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 24 tháng 5 năm 2012, đổi tên Công ty thành : Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng Sản Bình Thuận.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận.

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức Công ty gồm:

i.) Công ty:

- Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận - vốn chủ sở hữu 339.736.268.000 đồng;

ii.) Các Công ty con do Công ty giữ Cổ phần chi phối:

- Công ty TNHH Nạo vét và San lấp Quang Hồng ;
- Công ty TNHH 01 TV chế biến Titan Bình Thuận;
- Công ty TNHH 01 TV Zircon Bình Thuận.

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu du lịch;
- San lấp mặt bằng;
- Mua bán nguyên liệu gốm, sứ, vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị phụ tùng xe cơ giới, phân bón, hoá chất;
- Mua bán lương thực thực phẩm, hàng nông lâm thủy sản;
- Mua bán bột đá, bột kaolin, bột cát, bột đất sét đã qua chế biến;
- Mua bán máy móc ngành nông, ngư nghiệp;
- Mua bán đất sét, kaolin, kim loại, quặng kim loại;
- Sàng, lọc, rửa cát;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống;
- Trồng cây hàng năm, lâu năm;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Khai thác đất;
- Bốc xếp hàng hoá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN**

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (đại lý vận tải biển);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Bán buôn nguyên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị (thiết bị tàu thuyền);
- Đóng tàu và sửa chữa tàu thuyền;
- Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Nạo vét, khai thông luồng lạch;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển);
- Vận tải hàng hoá bằng đường thủy nội địa;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh hạ tầng dân dụng và khu công nghiệp, gia công cơ khí ;
- Kinh doanh, môi giới bất động sản...

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

Ngày 25/04/2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 ("Thông tư 203"). Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/06/2013 và được áp dụng từ năm tài chính 2013. Theo quy định tại Thông tư 45, nguyên giá tài sản phải có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên mới được coi là tài sản cố định, thay vì 10.000.000 VND trở lên như quy định tại Thông tư 203. Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 45. Theo đó, đối với các tài sản cố định Công ty đang theo dõi và quản lý theo Thông tư 203, nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45, thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày 10/06/2013.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN****IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

4. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 45
Máy móc thiết bị	08 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

5. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau thì được tính vào nguyên giá tài sản cố định vô hình: (i) Chi phí này có khả năng làm cho tài sản cố định vô hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu; (ii) Chi phí được đánh giá một cách chắc chắn và gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất. Công ty không trích khấu hao quyền sử dụng đất vì đây là quyền sử dụng lâu dài.

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN****9. Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

10. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

11. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

15. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Tiền mặt	2.223.818.281	4.672.448.465
Tiền gửi ngân hàng	28.357.830.643	1.920.637.211
Cộng	<u>30.581.648.924</u>	<u>6.593.085.676</u>

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn (*)	2.125.000.000	-
Cộng	<u>2.125.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng An Bình Quận 7, TPHCM số: 20131225/HD.NHAB.2013, thời hạn gửi là 1 tháng, lãi suất 6,2%/năm

3. Hàng tồn kho

	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Thành phẩm	28.387.471.923	5.176.511.559
Cộng	<u>28.387.471.923</u>	<u>5.176.511.559</u>

4. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Tạm ứng	1.297.576.051	325.456.914
Ký quỹ, ký cược	33.081.663	432.878.500
Cộng	<u>1.330.657.714</u>	<u>758.335.414</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN****5. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định Khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2013	39.455.479.334	702.760.132	477.236.623	321.779.608	45.121.050	41.002.376.747
Tăng trong kỳ	547.008.186	-	942.005.250	12.545.000	-	1.501.558.436
Mua trong kỳ	547.008.186	-	862.226.873	-	-	1.409.235.059
Tăng khác			79.778.377	12.545.000		92.323.377
Giảm trong kỳ	32.033.148.574	92.323.377	569.560.000	56.775.001	-	32.751.806.952
Chuyển góp vốn	32.033.148.574	-	-	-	-	32.033.148.574
Giảm khác		92.323.377		56.775.001		149.098.378
Thanh lý, nhượng bán	-	-	569.560.000	-	-	569.560.000
Số dư tại 31/12/2013	7.969.338.946	610.436.755	849.681.873	277.549.607	45.121.050	9.752.128.231
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2013	752.237.674	278.679.033	329.883.589	177.090.516	37.027.419	1.574.918.231
Tăng trong kỳ	1.091.386.822	131.568.601	319.341.517	107.574.167	8.093.631	1.657.964.738
Khấu hao trong kỳ	1.091.386.822	131.568.601	282.693.319	99.528.750	8.093.631	1.613.271.123
Tăng khác			36.648.198	8.045.417		44.693.615
Giảm trong kỳ	-	44.693.615	226.325.476	25.948.688	-	296.967.779
Giảm khác		44.693.615		25.948.688		70.642.303
Thanh lý, nhượng bán	-	-	226.325.476	-	-	226.325.476
Số dư tại 31/12/2013	1.843.624.496	365.554.019	422.899.630	258.715.995	45.121.050	2.935.915.190
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2013	38.703.241.660	424.081.099	147.353.034	144.689.092	8.093.631	39.427.458.516
Tại 31/12/2013	6.125.714.450	244.882.736	426.782.243	18.833.612	-	6.816.213.041

6. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Mỏ Cát Trắng	-	5.404.523.400
Xây dựng cơ bản dở dang khác	19.239.398.783	19.239.398.783
Cộng	19.239.398.783	24.643.922.183

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN****7. Đầu tư vào Công ty con**

Công ty	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ	-	-	12.642.772	126.427.718.180
Công ty TNHH Nguyên liệu gốm sứ Thiên Lợi	-	-	-	2.270.000.000
Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Khoáng sản Bình Thuận Joton	-	-	-	7.402.000.000
Công ty TNHH MTV Titan Bình Thuận	-	173.611.229.269	-	-
Công ty TNHH MTV chế biến Zircon Bình Thuận	-	33.253.869.178	-	-
Công ty TNHH Nạo vét và san lấp Quang Hồng	-	30.375.000.000	-	7.275.000.000
Cộng		237.240.098.447		143.374.718.180

Thuyết minh bổ sung về các công ty con

	Phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH MTV Titan Bình Thuận	100	100
Công ty TNHH MTV chế biến Zircon Bình Thuận	100	100
Công ty TNHH Nạo vét và san lấp Quang Hồng	88	88

8. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Đầu tư vào Công ty TNHH Titan Bình Thuận	-	297.000
Đầu tư vào Công ty TNHH chế biến Zircon Bình Thuận	-	56.765.870
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ	91.770.645.754	-
Tổng	91.770.645.754	57.062.870

9. Đầu tư tài chính dài hạn khác

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Cho Công ty TNHH Bảo Anh vay (*)	-	10.000.000.000
Cộng	-	10.000.000.000

(*) Khoản tiền cho Công ty TNHH Bảo Anh vay theo hợp đồng số 01 ngày 01/07/2012 với thời hạn cho vay là 2 năm, lãi suất là 20%/năm, lãi suất được thay đổi 6 tháng một lần. Lãi trả hàng tháng, gốc trả một lần vào ngày đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬNKhu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi
Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN****10. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Chi phí công cụ dụng cụ văn phòng chờ phân bổ	-	124.741.953
Cộng	-	124.741.953

11. Vay và nợ ngắn hạn

Đối tượng	Số dư Tại 31/12/2013	Giá trị ban đầu	Kỳ hạn	Lãi suất
Vay Ngân hàng An Bình	2.000.000.000	2.000.000.000	1 năm	9.7%/năm
Vay Ngân hàng ACB Trường Chinh	10.125.444.092	12.192.000.000	-	-
- Vay ngắn hạn	10.000.000.000	12.000.000.000	1 năm	12.8%/năm
- Vay thẻ tín dụng	125.444.092	192.000.000		
Cộng	12.125.444.092			

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Thuế giá trị gia tăng	1.280.887.629	150.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.002.059.091	12.019.378.172
Thuế thu nhập cá nhân	1.140.878.416	106.108.232
Cộng	19.423.825.136	12.275.486.404

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Bảo hiểm xã hội	239.380.000	204.652.000
Bảo hiểm y tế	55.003.500	42.867.000
Khoản phải trả cho cơ quan Hải quan (*)	397.336.164	397.336.164
Bảo hiểm thất nghiệp	23.018.000	64.624.000
Cộng	714.737.664	709.479.164

(*) Khoản phải nộp phạt cho cơ quan Hải quan theo Biên bản xử phạt hành chính về thực hiện các thủ tục xuất nhập khẩu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN****14. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Ngân hàng TMCP Techcombank Quận 1 (*)	428.791.667	-
Cộng	428.791.667	-

(*) Hợp đồng vay số : 1223/HĐCV/PN/TCB-PTR, ngày 16/5/2013, lãi suất vay : 14.53%/năm.

15. Vốn chủ sở hữu*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2012	154.425.590.000	849.189.834	283.063.278	48.775.370.246	204.333.213.358
Tăng trong năm	-	-	-	5.133.418.026	5.133.418.026
Lãi	-	-	-	5.133.418.026	5.133.418.026
Giảm trong năm	-	-	-	80.000.000	80.000.000
Giảm khác	-	-	-	80.000.000	80.000.000
Số dư tại 31/12/2012	154.425.590.000	849.189.834	283.063.278	53.828.788.272	209.386.631.384
Số dư tại 01/01/2013	154.425.590.000	849.189.834	283.063.278	53.828.788.272	209.386.631.384
Tăng trong năm	185.310.678.000	-	-	17.879.044.432	203.189.722.432
Lãi	-	-	-	17.879.044.432	17.879.044.432
Tăng vốn (*)	185.310.678.000	-	-	-	185.310.678.000
Giảm trong năm	-	-	-	17.086.502.530	17.086.502.530
Chi cổ tức (**)	-	-	-	15.442.560.000	15.442.560.000
Giảm khác	-	-	-	1.643.942.530	1.643.942.530
Số dư tại 31/12/2013	339.736.268.000	849.189.834	283.063.278	54.621.330.174	395.489.851.286

(*) Phát hành tăng vốn theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số: 15/2013/KSA/NQ-HĐQT, ngày 06/09/2013.

(**) Chi trả cổ tức theo Nghị quyết số 01/ĐHCD 2012 ngày 18 tháng 05 năm 2012.

Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu	01/01/2013 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	33.973.627	15.442.559
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	33.973.627	15.442.559
+ Cổ phiếu thường	33.973.627	15.442.559
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.973.627	15.442.559
+ Cổ phiếu thường	33.973.627	15.442.559
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/Cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi

Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng	26.663.003.457	33.296.464.043
Các khoản giảm trừ	-	-
- Hàng bán trả lại	5.409.835	8.573.460.000
Doanh thu thuần	26.657.593.622	24.723.004.043

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn hàng bán	11.119.412.798	11.837.065.287
Cộng	11.119.412.798	11.837.065.287

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	16.365.122	1.151.552.350
Chuyển nhượng cổ phần (*)	20.377.212.185	-
Cộng	20.393.577.307	1.151.552.350

(*) Lãi thu được từ chuyển nhượng 8.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí lãi vay	3.796.671.092	2.893.632.942
Cộng	3.796.671.092	2.893.632.942

5. Hoạt động khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập khác		
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	272.815.464	50.909.091
Tiền thu từ bán quyền sở hữu đất Phan Thiết	-	7.189.090.909
Thu nhập khác	-	237.962
Cộng	272.815.464	7.240.237.962
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	343.234.524	162.055.563
Nguyên giá của tài sản đất Phan Thiết	-	4.744.000.000
Các khoản chi khác	10.997.843	429.048.000
Cộng	354.232.367	5.335.103.563
Lợi nhuận từ hoạt động khác	(81.416.903)	1.905.134.399

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN****6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.978.848.956	6.844.557.366
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	420.369.140	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	24.399.218.096	6.844.557.366
- Thuế suất	25%	25%
- Thuế TNDN phải nộp trong năm	6.099.804.524	1.711.139.340

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013	Năm 2012
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.099.804.524	5.133.418.025
+ Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
+ Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.099.804.524	5.133.418.026
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	20.075.326	15.442.559
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	304	332

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	388.970.000	137.511.629
Chi phí nhân công	2.835.984.305	2.333.070.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.613.271.727	409.955.991
Chi phí dịch vụ mua ngoài	906.590.909	1.294.756.010
Chi phí khác bằng tiền	1.130.649.750	1.991.318.687
	6.875.466.691	6.166.613.260

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN****VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan***Thu nhập của Ban Giám đốc***Năm 2013
VND**

Thu nhập của Ban Giám đốc

1.015.000.000

Trong năm 2013, Công ty phát sinh giao dịch với các bên có liên quan :

Thuê 10ha đất tại Cụm công nghiệp Thăng Hải của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghiệp Bảo Thư (là Công ty Liên kết) làm nhà máy sản xuất xi Titan Bình Thuận. Tổng giá trị đã bao gồm thuế VAT là: 46,2 tỷ đồng.

2. Các khoản công nợ tiềm tàng

Không có khoản công nợ tiềm tàng nào cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

4. Báo cáo bộ phận

Trong năm 2013, doanh thu chính của Công ty phát sinh chủ yếu trên cùng một địa bàn, do đó Công ty không thực hiện trình bày Báo cáo bộ phận.

5. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN****5.1. Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.581.648.924	6.593.085.676
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.135.393.857	34.853.142.104
Đầu tư ngắn hạn	2.125.000.000	-
Đầu tư dài hạn	329.010.744.201	153.431.781.050
Tài sản tài chính khác	132.000.000	256.741.953
Cộng	369.984.786.982	195.134.750.783
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay ngắn hạn	12.125.444.092	38.684.100.133
Các khoản vay dài hạn	428.791.667	-
Phải trả người bán và phải trả khác	23.176.775.769	17.106.176.378
Chi phí phải trả		
Cộng	35.731.011.528	55.790.276.511

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

5.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

5.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

5.3.1. Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa VND và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

5.3.2. Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Khu phố 11, Phường Bình Tân, Thị xã Lagi
 Tỉnh Bình Thuận, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN****5.3.3 Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

5.3.4 Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

5.3.5 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Số dư tại 31/12/2013			
Các khoản vay ngắn hạn	12.125.444.092	-	12.125.444.092
Các khoản vay dài hạn	-	428.791.667	428.791.667
Phải trả người bán và phải trả khác	23.176.775.769	-	23.176.775.769
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	35.302.219.861	428.791.667	35.731.011.528
Số dư tại 01/01/2013			
Các khoản vay ngắn hạn	38.684.100.133	-	38.684.100.133
Các khoản vay dài hạn	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	17.106.176.378	-	17.106.176.378
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	55.790.276.511	-	55.790.276.511
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Số dư tại 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.581.648.924	-	30.581.648.924
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.135.393.857	-	8.135.393.857
Đầu tư ngắn hạn	2.125.000.000	-	2.125.000.000
Đầu tư dài hạn	-	329.010.744.201	329.010.744.201
Tài sản tài chính khác	132.000.000	-	132.000.000
Cộng	40.974.042.781	329.010.744.201	369.984.786.982
Số dư tại 01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.593.085.676	-	6.593.085.676
Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.853.142.104	-	34.853.142.104
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	153.431.781.050	153.431.781.050
Tài sản tài chính khác	256.741.953	-	256.741.953
Cộng	41.702.969.733	153.431.781.050	195.134.750.783

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu tại ngày 31/12/2012 chuyển sang ngày 01/01/2013 đã được kiểm toán bởi Công Ty TNHH Kiểm Toán Đông Á



Phạm Ngọc An
Tổng Giám đốc

Ngày 04 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Quang Minh
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thảo
Người lập biểu

